TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/KDTM-ST
Ngày 02 - 3 - 2026
"V/v T/c hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đô
Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Trân – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2025/TLST-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số A, phường X, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ C nhánh: Số A, phường L, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hà Tuấn M – Chuyên viên kiểm soát tuân thủ - Phòng kiểm soát rủi ro và tuân thủ của Ngân hàng A – C nhánh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty B.

Địa chỉ: Ấp 20, xã NP, tỉnh Cà Mau (trước đây là ấp 20, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Kim C – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1997 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn CC, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BS, xã ĐD, tỉnh Cà Mau (trước đây là ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2025, bản tự khai ngày 02/3/2026 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng A trình bày:

Ngân hàng A – C nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Sông Đốc (gọi tắt là Ngân hàng) có cho Công ty B (gọi tắt là Công ty) vay tiền tại Hợp đồng tín dụng số 202427631802 ngày

13/3/2024 với hạn mức tín dụng 1.500.000.000 đồng. Ngày 10/3/2025, Ngân hàng giải ngân tiền vay cho Công ty nhận với số tiền 1.500.000.000 đồng (tại Giấy nhận nợ số LD2506900474 ngày 10/3/2025), thời hạn vay 06 tháng (kể từ ngày giải ngân đến ngày 10/9/2025), lãi suất cố định 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn kinh doanh mua bán cừ tràm.

Để bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng tín dụng nói trên, bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Văn CC đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 202403122272072 ngày 13/3/2024, bà C và ông CC thế chấp phần đất diện tích 2.663 m^2, thửa số 938, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp N, xã A, tỉnh An Giang), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM272820 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/01/2024 cho bà C đứng tên.

Quá trình vay Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khoản vay trên nên chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 18/7/2025. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nhở trả nợ, nhưng Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay cho Ngân hàng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty trả nợ tiền vay tại hợp đồng tín dụng nói trên tính đến ngày 02/3/2026 với số tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 31.808.218 đồng, lãi quá hạn 95.979.453 đồng, lãi phạt 1.756.995 đồng, tổng cộng gốc và lãi tính tròn 1.629.544.000 đồng. Kể từ ngày 03/3/2026, Công ty còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp tài sản nói trên để thu hồi nợ.

- Ông Nguyễn Văn CC trình bày:

Ông thừa nhận Công ty B (gọi tắt là Công ty) có vay tiền của Ngân hàng A – Chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Sông Đốc (gọi tắt là Ngân hàng), ông và bà C có thế chấp tài sản quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay của Công ty như đại diện Ngân hàng trình bày nói trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cà Mau phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng, buộc Công ty trả nợ tại hợp đồng tín dụng tính đến ngày 02/3/2026 số tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 31.808.218 đồng, lãi quá hạn 95.979.453 đồng, lãi phạt 1.756.995 đồng, tổng cộng gốc và lãi 1.629.544.000 đồng. Kể từ ngày 03/3/2026, Công ty còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của Công ty B, bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Văn

CC vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) đối với Công ty B (gọi tắt là Công ty):

[2.1] Về số tiền vay: Về giao dịch hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với Công ty như đại diện Ngân hàng trình bày là thực tế có diễn ra, điều này đã được phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại vụ án thừa nhận, phù hợp với các giấy tờ do Ngân hàng cung cấp có tại hồ sơ như Hợp đồng tín dụng số 202427631802 ngày 13/3/2024, Giấy nhận nợ số LD2506900474 ngày 10/3/2025 và các giấy tờ khác có tại hồ sơ. Hợp đồng tín dụng nói trên hai bên xác lập và ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và hai bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng theo cam kết của hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bên vay là Công ty đã vị phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng tại hợp đồng tín dụng, do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty trả nợ tiền vay cả gốc và lãi với số tiền như trình bày là có căn cứ chấp nhận, cụ thể Công ty phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền vay tại hợp đồng tín dụng tính nói trên tính đến ngày 02/3/2026 với số tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 31.808.218 đồng, lãi quá hạn 95.979.453 đồng, lãi phạt 1.756.995 đồng, tổng cộng gốc và lãi tính tròn 1.629.544.000 đồng. Kể từ ngày 03/3/2026, Công ty còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202427631802 ngày 13/3/2024 và Giấy nhận nợ số LD2506900474 ngày 10/3/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ.

[2.2] Về xử lý tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng tín dụng nói trên, bà C và ông CC đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 202403122272072 ngày 13/3/2024, bà C và ông CC thế chấp phần đất diện tích 2.663 m^2, thửa số 938, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp N, xã A, tỉnh An Giang), hợp đồng thế chấp có công chứng, tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại C nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Minh ngày 13/3/2024. Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên các thoả thuận trong hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật thi hành. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp Công ty không thanh toán được khoản nợ là có căn cứ chấp nhận. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 202403122272072 ngày 13/3/2024 đối với phần đất diện tích 2.663 m^2, thửa số 938, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp N, xã A, tỉnh An Giang), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM272820 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/01/2024 cho bà C đứng tên để thu hồi toàn bộ khoản tiền nợ.

[3] Đối với ông CC cho rằng phần đất thế chấp nói trên ông CC và bà C đã cầm cố cho người khác. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông CC và bà C không cung cấp được thông tin chính xác là cầm cố cho ai và địa chỉ ở đâu nên chưa có cơ sở xem xét giao dịch cầm cố đất như ông CC trình bày, nếu sau này có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Do khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Công ty phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ trả nợ với tiền án phí là 60.886.000 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí, ngày 16/10/2025 Ngân hàng nộp tạm ứng án phí số tiền 28.656.000 đồng theo biên lai thu số 0002255 tại Phòng THADS khu vực 2 - Cà Mau được nhận lại.

[5] Về C phí thẩm định: Công ty phải chịu toàn bộ C phí xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất thế chấp. Ngân hàng đã dự nộp toàn bộ C phí xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất thế chấp với số tiền 800.000 đồng. Công ty có nghĩa vụ thanh toán lại C phí xem xét, thẩm định cho Ngân hàng với số tiền 800.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 99, 100, 102, 103 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng A đối với Công ty B.

Buộc Công ty B trả nợ cho Ngân hàng A tại Hợp đồng tín dụng số 202427631802 ngày 13/3/2024 và Giấy nhận nợ số LD2506900474 ngày 10/3/2025, tính đến ngày 02/3/2026 với số tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 31.808.218 đồng, lãi quá hạn 95.979.453 đồng, lãi phạt 1.756.995 đồng, tổng cộng gốc và lãi tính tròn 1.629.544.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày 03/3/2026, Công ty B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng A theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202427631802 ngày 13/3/2024 và Giấy nhận nợ số LD2506900474 ngày 10/3/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ.

Trường hợp Công ty B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nói trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 202403122272072 ngày 13/3/2024 đối với phần đất diện tích 2.663 m^2, thửa số 938, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp N, xã A, tỉnh An Giang), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM272820 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/01/2024 cho bà Nguyễn Kim C đứng tên để thu hồi toàn bộ khoản tiền nợ.

Án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch Công ty B phải nộp 60.886.000 đồng (Sáu mươi triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng). Ngân hàng A được nhận lại tiền nộp tạm ứng án phí số tiền 28.656.000 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002255 ngày 16/10/2025 tại Phòng THADS khu vực 2 - Cà Mau.

Về C phí thẩm định: Công ty B có nghĩa vụ thanh toán lại C phí xem xét, thẩm định cho Ngân hàng A với số tiền 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty B chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng A có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Công ty B, bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Văn CC vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VPTANDKV2-CM.

Bùi Văn Việt